

## CHUYỂN BIẾN CỦA NÔNG NGHIỆP VÀ XÃ HỘI NÔNG THÔN BẮC TRUNG KỲ THỜI THUỘC PHÁP

Trần Vũ Tài\*

### Đặt vấn đề

Nông nghiệp là ngành kinh tế thu hút sự quan tâm của thực dân Pháp trong quá trình khai thác thuộc địa ở Việt Nam. Sau Thế chiến I, đầu tư cho nông nghiệp được mở rộng và chiếm vị trí hàng đầu trong cơ cấu đầu tư của giới thực dân. Quá trình khai thác của tư bản Pháp đã thúc đẩy nông nghiệp thuộc địa có nhiều chuyển biến. Yếu tố tư bản chủ nghĩa (TBCN) xâm nhập vào nông nghiệp đã thúc đẩy sự chuyển biến của xã hội nông thôn, diện mạo nông nghiệp, nông thôn có nhiều thay đổi. Nước ta chuyển sang hình thái kinh tế thuộc địa có nhân tố TBCN. Ngoài những hạn chế do chính sách bóc lột của giai cấp thống trị, kinh tế nông nghiệp nước ta cũng có những đổi thay tích cực nhất định.

Bắc Trung Kỳ (Nord - Annam) - theo cách phân chia của người Pháp gồm các tỉnh Thanh Hoá, Nghệ An, Hà Tĩnh - là khu vực có nhiều nét tương đồng về địa lý tự nhiên - xã hội, có tiềm năng để phát triển kinh tế nông nghiệp, có sức hấp dẫn đối với các nhà canh nông. Để hạn chế ảnh hưởng của chính quyền Nam triều, khai thác cả vùng đất “bảo hộ”, thực dân Pháp rất chú ý đến khu vực này. Dưới tác động khách quan của quá trình khai thác, nông nghiệp Bắc Trung Kỳ có những chuyển biến đáng kể theo hướng TBCN, làm thay đổi diện mạo nông nghiệp, nông thôn khu vực.

Sau Cách mạng tháng Tám 1945, nông nghiệp, nông thôn Thanh - Nghệ - Tĩnh có nhiều thay đổi quan trọng. Tuy nhiên trong quá trình chuyển đổi cơ chế hiện nay, các doanh nghiệp quốc doanh tỏ ra lúng túng, các hợp tác xã hoạt động kém hiệu quả. Công cuộc công nghiệp hoá, hiện đại hoá ở khu vực đang gặp nhiều trở ngại. Từ thực tế trên, chúng tôi thiết nghĩ, nghiên cứu sự chuyển biến của kinh tế nông nghiệp Bắc Trung Kỳ thời thuộc Pháp có giá trị khoa học và thực tiễn sâu sắc, giúp ta nhìn nhận đầy đủ và sâu sắc hơn công cuộc khai thác thực dân ở một khu vực, góp phần hiểu đầy đủ hơn về chế độ thuộc địa ở nước ta.

### 1. Biến đổi bước đầu trong kinh tế nông nghiệp Bắc Trung Kỳ từ 1884 đến 1918

#### 1.1. Những tiền đề thúc đẩy sự chuyển biến của nông nghiệp Bắc Trung Kỳ

Đây mạnh công cuộc khai thác thuộc địa và “đảm bảo an ninh”, thực dân Pháp đã đầu tư xây dựng hệ thống giao thông gồm đường sắt, đường bộ, đường sông, cầu cảng nối liền các khu vực kinh tế trong và ngoài Bắc Trung Kỳ, nối liền với Lào. Bộ trưởng Bộ thuộc địa trong bức thư gửi Toàn quyền Đông Dương ngày 23.6.1894 đã nhấn mạnh: “Cải thiện những đường giao thông và đường xâm nhập, đó là những nét lớn, những vấn đề trước mắt, sự giải quyết những vấn đề này ngày càng được nhiều

---

\*TS. Khoa Lịch sử, Đại học Vinh

người lưu tâm tới”<sup>1</sup>. Hệ thống đường sắt Hà Nội - Vinh khởi công năm 1900 và hoàn thành năm 1905, dài 312km, tốn phí 43 triệu franc<sup>2</sup>. Toàn quyền Đông Dương Anbe Xarô thừa nhận: “Đường sắt phải có mục đích đưa tới cửa bể và nhận ở đó tất cả khối lượng vận chuyển. Người ta sẽ phí công trồng các thứ để xuất cảng nếu không chở các thứ đó đi được”<sup>3</sup>. Hệ thống đường bộ cũng được mở rộng và xây dựng mới. Đường cái quan (quốc lộ) đã được tu sửa, uốn nắn nhiều lần, “đẹp chẳng khác nào đường lớn ở nước Pháp”<sup>4</sup>. Đặc biệt, đường bộ nối khu vực Bắc Trung Kỳ với Lào được đầu tư xây dựng. Năm 1893, đường số 7 từ Vinh đi Trấn Ninh (Lào) dài 515 km bắt đầu được xây dựng, đường số 8 từ Vinh đi NaPê dài 272km nối liền Hà Tĩnh với Lào cũng được khởi công. Cảng Bến Thủy được đầu tư xây dựng, có ý nghĩa rất lớn trong việc xuất khẩu hàng nông, lâm, thổ sản. So với với cảng Đà Nẵng, cảng Quy Nhơn, thì cảng Bến Thủy được xem là quan trọng bậc nhất Trung Kỳ. “Không có những đường bộ, những đường sắt và những kênh đào, các doanh nghiệp chắc sẽ không tiến hành được hoạt động sản xuất và người dân bản xứ chắc sẽ gặp nhiều vấn đề về con người và kinh tế”<sup>5</sup>.

*Một số dự án thủy nông được chính quyền thuộc địa cho khảo sát, thực nghiệm.* Boullouche - Khâm sứ Trung Kỳ - đã đề ra việc khảo sát hệ thống dẫn thủy nhập điền ở Thanh Hoá. Công trình nghiên cứu đầu tiên được tiến hành vào năm 1898 là của kỹ sư Buaru. Dự án được tiến hành trong phạm vi 15.000 héc-ta ở phủ Thọ Xuân, chi phí 30 vạn đồng do chính quyền Nam triều trợ cấp, nhưng công trình phải bỏ dở vì nguồn kinh phí không đủ đáp ứng. Đến năm 1911, dự thảo về việc đào một con kênh từ Thanh Hoá vào Vinh đã đề cập tới việc tưới nước cho 25.000 hecta. Tiến độ thực hiện dự án kéo dài và trải qua nhiều thời kỳ khó khăn, cuối cùng phải ngừng lại do thiếu kinh phí và nhân công. Năm 1913, kỹ sư Normandin - sau khi hoàn thành nghiên cứu dẫn thủy nhập điền ở Ấn Độ và Giava - được giao trách nhiệm nghiên cứu nông giang ở Thanh Hoá. Ông đề ra hướng giải quyết mới: xây dựng một nhà máy thủy điện 1.200 mã lực bằng cách sử dụng thủy lực của một thác nước cao 4m. Dùng năng lượng để bơm nước tưới cho 50.000 ha trên tả ngạn sông Chu và sông Mã<sup>6</sup>.

*Chính sách khuyến khích lập đồn điền:* Sau khi hoàn tất công cuộc “bình định” khu vực Bắc Trung Kỳ, chính quyền thuộc địa tuyên bố: “Không còn sợ các lực lượng đối kháng quấy rối nữa, có thể bắt tay vào việc mở mang và đẩy mạnh phát triển kinh tế”. Tiến hành công cuộc khai thác, thực dân Pháp đã chú trọng đến việc mở mang đồn điền kinh doanh nông nghiệp. Một quan chức thực dân cho rằng: “Cái mà người Âu đến đây tìm kiếm không phải là 1 lô đất để tự trồng cây. Đó là 1 cơ sở kinh doanh lớn để điều khiển”<sup>7</sup>. Ngoài mục đích kinh tế (tìm kiếm lợi nhuận), đồn điền còn mang sứ mệnh chính trị (“đảm bảo sự yên ổn ở những vùng rối loạn”) và xã hội (“đưa các loại cây mới vào trồng để thu hút bớt dân cư ra khỏi đồng bằng đông đúc”)<sup>8</sup>. Không riêng Bắc Trung Kỳ, đồn điền được mở rộng trong cả nước, trở thành một đặc trưng của kinh tế nông nghiệp Việt Nam cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX.

## **1. 2. Biến đổi bước đầu của kinh tế nông nghiệp Bắc Trung Kỳ**

*Kinh tế đồn điền phát triển mạnh* và là một nhân tố mới làm biến đổi nông nghiệp khu vực. Tuy có muộn hơn so với nơi khác nhưng cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ

XX, đồn điền lần lượt được thiết lập ở Bắc Trung Kỳ. Từ các “đồn sơn phòng” thời quân chủ, các đồn điền dần được mở rộng. Việc phát hiện ra vùng đất đỏ và sự xuất hiện của cây cà phê khiến cho kinh tế đồn điền có nhiều khởi sắc. Gauthier là người tiên phong trong công việc này. Từ những năm 1900, qua việc khảo sát địa chất Thanh Hoá, ông đã thấy những vùng đất có thể trồng cây công nghiệp và chăn nuôi đại gia súc, “những bãi cỏ lượn sóng, những khu rừng thưa gợi lên phong cảnh đầu dãy của nước Pháp”<sup>9</sup>. Từ một nhà khai mỏ, ông chuyển sang kinh doanh nông nghiệp và trở thành một nhà canh nông có tiếng, mở đầu cho các hoạt động khai khẩn vùng đất đỏ Thanh Hoá. Theo chân Gauthier, nhiều nhà thực dân đã xin đất lập đồn điền để trồng cây công nghiệp. Từ Thanh Hoá, đồn điền được mở rộng sang Nghệ An. Việc phát hiện ra vùng đất đỏ, sự xuất hiện của cây cà phê là những nhân tố quan trọng thúc đẩy đồn điền ở Bắc Trung Kỳ mở rộng. Năm 1912, Gauthier bắt đầu khai khẩn đồn điền ở Yên Mỹ<sup>10</sup>. Sau nhiều lần mò mẫm, Gauthier nhận ra rằng: “tháng 9 sau mùa mưa lớn, trồng cây cà phê là thích hợp nhất”<sup>11</sup>. Nhờ sự kiên trì, việc khẩn hoang trồng cà phê của ông cũng gặt hái những kết quả nhất định. Đồn điền của Gauthier đã trồng được 10.000 gốc cà phê Arabica. Sự thành công bước đầu của Gauthier ở đồn điền Yên Mỹ đã khích lệ rất lớn đến giới điền chủ. Năm 1914, Garand lập đồn điền ở Như Xuân, tiếp đó là hàng loạt đồn điền khác được lập ở Thọ Xuân, Cẩm Thủy, Yên Định. Cũng trong năm 1914, vùng Phủ Quỳ trở thành một nơi thu hút giới điền chủ, theo tài liệu của Phòng Canh nông và thương mại Trung Kỳ đã có một số đồn điền được đưa vào sử dụng như đồn điền của Walther, đồn điền của Hội Lopicque và Công ty (P.A. Lopicque et Cie). Từ năm 1910 đến hết Thế chiến I, số lượng đồn điền ở Bắc Trung Kỳ càng được mở rộng, diện tích cũng tăng lên đáng kể<sup>12</sup>.

*Sở hữu ruộng đất đã có sự chuyển biến bước đầu.* Ruộng đất công làng xã tiếp tục bị thu hẹp, mở đường cho mô hình sở hữu lớn của tư nhân phát triển. Mức độ chiếm đoạt ruộng đất của địa chủ Pháp, nhà Chung và địa chủ phong kiến ngày một mở rộng. Sở hữu ruộng đất công bị thu hẹp một phần là do mức độ tập trung ruộng đất của thực dân ngày càng lớn. Chính quyền thuộc địa đã dùng quỹ ruộng đất thuộc “công điền, công thổ” mà họ xem là đất hoang để cấp nhượng cho các nhà thực dân lập đồn điền. Sự phát triển của kinh tế đồn điền là một nhân tố làm biến đổi quyền sở hữu ruộng đất. Ngoài lực lượng điền chủ, các nhà truyền giáo, cố đạo cũng tập hợp lực lượng con chiên khai khẩn đất đai, bao chiếm ruộng đất. Bên cạnh đó, địa chủ, cường hào địa phương đã ra sức cướp đoạt ruộng đất của nông dân, lập những trại ấp rộng lớn. Sự tập trung ruộng đất của thực dân, địa chủ phong kiến, nhà Chung là lý do khiến cho ruộng đất công ngày càng bị hạn chế, mở đường cho sở hữu lớn của tư nhân phát triển. Cho đến hết Thế chiến I, nhiều đồn điền có diện tích hàng trăm ha ra đời<sup>13</sup>. Sự dung dưỡng của chính quyền thuộc địa là điều kiện để nhà thờ phát triển sở hữu dưới nhiều hình thức khác nhau: Ruộng đất do nhà Chung tậu, do sự quyên cúng của giáo dân, do chính quyền thực dân cấp cho, ruộng đất khai khẩn của cha cố... Nhiều địa phương ở Bắc Trung Kỳ, ruộng nhà Chung lên tới hàng trăm ha: Nga Sơn (Thanh Hoá), Xã Đoài (Nghệ An), Đức Thọ (Hà Tĩnh) là những nơi đạo Thiên chúa phát triển, ở đó ruộng đất của nhà Chung là tương đối lớn. Đó là chưa kể ruộng đất của các cố

đạo mộ con chiên, giáo dân khai khẩn. Niên giám thống kê Đông Dương ghi nhận sự có mặt của 2 cố đạo là Charles, Rigain. Họ mộ dân khai phá ở vùng trung du Nông Công, Như Xuân để lập những đồn điền đầu tiên. Sau đó là hàng loạt các cha cố, giám mục khác: Marcou (giám mục ở Phát Diệm, lập đồn điền 339 ha ở Điền Trạch, Thọ Xuân); P.Canilha (truyền giáo ở Quan Hoá, lập đồn điền rộng 132 ha ở Hữu Thủy, Hữu Xuyên, Quan Hoá); Landrieu (truyền giáo ở Tĩnh Gia, lập đồn điền 49 ha); Klingler (cố đạo ở Yên Thành, lập đồn điền 450 ha ở Bảo Nham); Laygue (giám mục Xã Đoài lập đồn điền ở đây); nhà thờ Cầu Râm (bao chiếm hàng trăm mẫu ruộng xung quanh giáo phận Vinh).

*Canh tác nông nghiệp có những biến đổi bước đầu.* So với trước năm 1884, diện tích trồng lúa ở Bắc Trung Kỳ tăng lên nhờ các biện pháp dẫn thủy nhập điền, khai hoang phục hoá cũng như sự “ổn định” về chính trị. Người dân sau khi tha phương cầu thực vì chiến tranh dần dần trở về quê quán. Hệ thống thủy nông được nạo vét, mở mang, một số công trình dẫn thủy nhập điền tự chảy được thử nghiệm,...là những nguyên nhân khiến cho diện tích gieo trồng tăng lên. Mặc dù chưa có các công trình dẫn thủy nhập điền lớn nhưng việc hệ thống thủy nông được cải tạo, đê điều được gia cố dưới sự hướng dẫn về kỹ thuật của các kỹ sư người Pháp khiến cho thủy tai bước đầu được hạn chế. Bên cạnh đó, những hoạt động nghiên cứu về giống và các khuyến cáo về kỹ thuật của trạm giống Yên Định đã góp phần cải tiến nghề trồng lúa ở khu vực Bắc Trung Kỳ. Theo Niên giám thống kê Đông Dương, đến năm 1919, Thanh Hoá có khoảng 220.000 ha ruộng (70.000 ha 1 vụ, 150.000 ha 2 vụ). Nghệ An có 150.000 ha ruộng (40.000 ha 1 vụ, 110.000 ha 2 vụ). Hà Tĩnh có 120.000 ha ruộng (70.000 ha 1 vụ, 50.000 ha 2 vụ). Trong tổng số diện tích gieo trồng ở Trung Kỳ năm 1919 là 1.100.000 ha thì Bắc Trung Kỳ có 490.000 ha<sup>14</sup> - chiếm gần 45% diện tích.

*Đặc biệt là một số cây trồng, vật nuôi có giá trị kinh tế cao bắt đầu được du nhập vào Bắc Trung Kỳ, nhất là cây cà phê.* Sau thành công của Gauthier ở đồn điền Yên Mỹ, diện tích trồng cà phê không ngừng được mở rộng. Điều đó có ý nghĩa đáng kể trong việc khai khẩn vùng đất đỏ ở miền trung du vốn trước đây vẫn còn hoang hoá. Ban đầu, cà phê được trồng thành hàng rào nhà thờ ở Hương Khê (Hà Tĩnh)<sup>15</sup>. Đến đầu thế kỷ XX, cây cà phê được trồng trong các đồn điền người Pháp ở Hương Sơn, Hương Khê. Năm 1908, cây cà phê từ Nam Ninh Bình, vượt qua đèo Đồng Giao thâm nhập vào Thanh Hoá. Bước đầu, cà phê được trồng thử nghiệm ở vùng khai hoang giữa Bim Sơn và Ngọc Trạo. Năm 1912, Gauthier khai thác đồn điền Yên Mỹ, hơn 10.000 gốc cà phê Arabica được trồng thành công ở đây, điều đó đã khuyến khích các điền chủ xin nhượng đất lập đồn điền trồng cà phê. Cho đến năm 1918, hệ thống đồn điền trồng cà phê được thiết lập ở Bắc Trung Kỳ. Canh tác cà phê ở giai đoạn này đang trong quá trình thử nghiệm, mò mẫm. Diện tích trồng trồng chưa lớn, cà phê cho thu hoạch chưa nhiều, sản lượng cà phê không đáng kể. Nhưng cây cà phê xuất hiện đã mở ra một hướng canh nông mới thu hút sự quan tâm của giới điền chủ. Từ những bước đi ban đầu này, trong đợt khai thác thuộc địa lần thứ hai, thực dân Pháp biến Bắc Trung Kỳ thành nơi chuyên canh cà phê vào loại lớn nhất Đông Dương thời bấy giờ.

## 2. Những chuyển biến trong kinh tế nông nghiệp Bắc Trung Kỳ từ 1919 đến 1945

### 2.1. Mở rộng đầu tư khai thác thuộc địa

Sau Thế chiến I, thực dân Pháp tiến hành đầu tư ồ ạt vào Đông Dương (nhất là Việt Nam) với tốc độ nhanh và quy mô lớn. Sự điều chỉnh chính sách khai thác thuộc địa của thực dân Pháp đã tác động đến tình hình kinh tế nông nghiệp Bắc Trung Kỳ. Số vốn đầu tư tập trung vào công tác thủy lợi, dẫn thủy nhập điền. Thực dân Pháp đầu tư xây dựng hệ thống thủy nông tương đối quy mô và hiện đại. Hai công trình thủy nông lớn là đập Bái Thượng - hệ thống thủy nông sông Chu (Thanh Hoá); đập Đô Lương - hệ thống sông đào Bắc Nghệ An lần lượt được hoàn thành. Hai công trình dẫn thủy nhập điền tầm cỡ này xuất hiện đã làm thay đổi đáng kể diện mạo nông nghiệp Bắc Trung Kỳ.

Năm 1918, Toàn quyền Albert Sarraut chuẩn y bản thiết kế công trình dẫn thủy nhập điền ở Thanh Hoá, kinh phí thực hiện công trình được trích từ ngân sách chung Đông Dương. Sau 2 năm chuẩn bị, công trình khởi công ngày 28/3/1920 và đến ngày 27/8/1928 thì được bàn giao chính thức cho Sở thủy nông. Công trình thủy nông sông Chu hoàn thành đã làm thay đổi diện mạo nông nghiệp Thanh Hoá. Diện tích 60.000 ha ruộng được chủ động tưới nước và có thể gieo trồng 2 vụ. Năng lực gieo trồng ở tả, hữu ngạn sông Chu được đánh thức, “cuộc sống nông nghiệp của Nông Cống được khởi sắc từ khi có nông giang chảy qua”, “Nông Cống trở thành nơi xuất gạo đi các nơi và câu ‘được mùa Nông Cống sống mọi nơi’ có thể được đúc kết từ đây”<sup>16</sup>. Công trình thủy nông sông Chu đã nâng giá trị phần ruộng đất được tưới nước lên 2,5 đến 3 triệu đồng/1 năm, tức hơn nửa số tiền chi phí ban đầu<sup>17</sup>. Các nhà nghiên cứu đương thời đánh giá: “Trừ các hệ thống khổng lồ tại Ấn Độ thuộc Anh thì đây là công trình cùng loại lớn hơn hết tại Viễn Đông. Không nơi nào, ở Nhật Bản, Trung Quốc, Đài Loan, Philippin, Thái Lan, Giava lại có những hệ thống quan trọng như vậy. Ở Miến Điện, chỉ có một hệ thống Svebo có thể tưới được cho 60.000 ha” sánh kịp mà thôi<sup>18</sup>.

Sau hệ thống thủy nông sông Chu là công trình dẫn thủy nhập điền miền Bắc Nghệ An. Công trình được khởi công năm 1933 và hoàn thành năm 1937. Công trình đi vào vận hành đã tưới tiêu cho hơn 37.000 ha ruộng. Nhờ có dẫn thủy nhập điền, 3 huyện Diễn – Yên - Quỳnh trở nên trù phú và trở thành vùng trọng điểm về trồng lúa ở Nghệ An. Câu ca "đói cơm rách áo thì ra Yên Thành" nói lên sự no ấm của kinh tế nông nghiệp nơi đây do lợi ích từ công tác thủy lợi. Hệ thống thủy nông sông Chu, hệ thống dẫn thủy nhập điền Bắc Nghệ An xứng đáng là những công trình đại thủy nông ở Bắc Trung Kỳ thời thuộc Pháp.

Bên cạnh đó, các hoạt động đầu tư tài chính được chú ý. Đại lý của Ngân hàng Nông phổ lần lượt được thiết lập ở Thanh Hoá, Vinh, Hà Tĩnh và hoạt động có hiệu quả nhất định. Một điểm mới trong hoạt động tín dụng là có sự tham gia của các công ty vô danh, các hãng buôn, hội buôn lớn. Công tác chọn giống cũng được sự quan tâm của chính quyền với việc mở rộng trại giống Yên Định (Thanh Hoá) và thành lập các trại giống mới: Cao Trại (Phủ Quỳ - Nghệ An), Vân Du (Thạch Thành), trại chăn nuôi Bãi Áng (Nông Cống - Thanh Hoá).

## 2.2. Chuyển biến của kinh tế nông nghiệp

Việc mở rộng đầu tư khai thác của thực dân Pháp khiến nông nghiệp Bắc Trung Kỳ có những chuyển biến rõ nét, thể hiện trên mấy khía cạnh sau:

*Sở hữu ruộng đất:* các tỉnh Bắc Trung Kỳ có tỷ lệ ruộng công tương đối thấp so với xứ Trung Kỳ. Nghệ An có tỷ lệ ruộng công cao nhất, cũng chỉ chiếm tỷ lệ 19,8%, Hà Tĩnh có tỷ lệ ruộng công thấp nhất, chiếm 15,9%. Mức độ tập trung ruộng đất vào tay thực dân, địa chủ ngày càng lớn. Đất được cấp nhượng lập đồn điền lên tới 37.114 ha (chiếm tỷ lệ 13% đất canh tác), 70% đồn điền có diện tích từ 100 ha đến trên 10.000 ha. Địa chủ phong kiến và địa chủ nhà Chung phát triển nhanh về tiềm lực kinh tế, chiếm đoạt ruộng đất lên tới hàng nghìn mẫu. Sở hữu ruộng đất của người bản xứ phổ biến là nhỏ và vừa: dưới 5 mẫu (93,6%), từ 5 đến 50 mẫu (6,3%), trên 50 mẫu (0,1%)<sup>19</sup>.

*Quan hệ sản xuất:* Quan hệ địa chủ - tá điền vẫn được duy trì nhưng chuyển biến dưới nhiều hình thức khác nhau: thuê nhân công, cấy rẽ, cho thuê ruộng. Hình thức địa tô cũng chuyển biến theo: ngoài tô hiện vật, tô lao dịch, xuất hiện tô tiền. Quan hệ chủ - thợ được xác lập. Các đồn điền lớn được tổ chức như những xí nghiệp TBCN. Nhân công được sử dụng dưới nhiều hình thức khác nhau: công nhật, lương tháng, khoán việc, mùa vụ...

*Phương thức kinh doanh và sử dụng đất:* Vùng chuyên canh cây công nghiệp như chè, cà phê, bông, mía xuất hiện. Tính đến năm 1929, trong gần 5.000 ha cà phê ở Trung Kỳ thì diện tích trồng cà phê các tỉnh Bắc Trung Kỳ chiếm tỷ lệ gần một nửa (48%). Nhưng cuộc khủng hoảng của cây cà phê vào những năm 1930 - 1931 khiến cho diện tích trồng cà phê sụt giảm, chỉ còn 2.000 ha trong tổng số 6.100 ha ở Trung Kỳ (chiếm tỷ lệ 32,7%). Diện tích trồng cà phê toàn Đông Dương trong giai đoạn từ 1932 đến 1944 trung bình là 8.525ha thì diện tích trồng cà phê ở Bắc Trung Kỳ chiếm tỷ lệ 27,5%<sup>20</sup>. Bắc Trung Kỳ được xem là trung tâm trồng và xuất khẩu cà phê lớn nhất Đông Dương thời bấy giờ.

*Thủy lợi, thủy nông nội đồng có bước tiến vượt bậc,* các công trình dẫn thủy nhập điền đã tưới cho trên 160.000 ha, riêng hệ thống thủy nông sông Chu có thể tưới cho 60.000 ha, hệ thống Bắc Nghệ An tưới cho 38.000 ha. Phân bón cho canh tác nông nghiệp cũng có bước tiến bộ, kỹ thuật nuôi bèo hoa dâu làm phân xanh được phổ biến rộng rãi. Phân hoá học được sử dụng bước đầu trong việc chăm sóc các loại cây công nghiệp. Một số giống cây trồng, vật nuôi mới được nhân rộng: cà phê Arabica, Chari, Robusta, Excelsa, ngô Rêuyniông, bông sợi dài của Mỹ và Ai Cập, cam Sunkis, bò Sin, cò voi Ghinê, lợn Yoc-sai, cừu Kêlantán... Các biện pháp để bảo vệ đàn gia súc, chăm sóc thú y cho đàn trâu bò được chú ý.

*Nghề trồng trọt, trước hết là nghề trồng lúa* có nhiều chuyển biến, diện tích được mở rộng, năng suất được cải thiện so với thời điểm trước năm 1918 (từ mức 9 - 11 tạ/ha tăng lên 12 - 15 tạ/ha), do đó sản lượng lúa cũng tăng cao. Đặc biệt, nghề trồng cây công nghiệp phát triển, vùng chuyên canh cà phê, bông vải, mía, chè, cây ăn quả xuất hiện. Cà phê là loại cây trồng được phát triển trong các đồn điền đất đỏ ở phía

Tây Thanh Hoá, Nghệ An và Hà Tĩnh. Diện tích trồng cà phê ở Bắc Trung Kỳ vào thời điểm cao nhất vào khoảng hơn 2.500 ha, sản lượng đạt khoảng 1.000 tấn, năng suất bình quân từ 4 đến 5 tạ/ha. Chỉ tính riêng đồn điền của Walther ở Phủ Quỳ đến năm 1927 đã có 17.000 gốc cà phê cho thu hoạch, 6.000 gốc trồng được 2 năm, 145.000 gốc trồng được 1 năm. Sản lượng cà phê trong năm 1927 là 10 tấn, năm 1930 là 60 tấn. Theo Ch.Robequain, năm 1928 Thanh Hoá “có khoảng 200 tấn cà phê ngon không kém gì các nẻo xa”; đến năm 1932, sản lượng lên tới 500 tấn<sup>21</sup>.

*Nghề chăn nuôi nhất là chăn nuôi trâu bò phát triển nhanh chóng* và trở thành một trung tâm lớn của cả nước. Chăn nuôi gia súc, nhất là trâu bò trở thành một nghề rất phát triển ở Bắc Trung Kỳ. Sau Thế chiến I, nhiều biện pháp cải tạo chất lượng giống trâu bò được thực hiện. Bắc Trung Kỳ trở thành một trung tâm chăn nuôi và xuất khẩu trâu bò lớn của cả nước. Theo thống kê của Y. Henry, năm 1930, đàn trâu bò ở Bắc Trung Kỳ lên tới 247.025 con<sup>22</sup>. Tổng số đàn gia súc ở Trung Kỳ là 421.895 con bò và 200.073 con trâu, riêng ở Bắc Trung Kỳ số lượng bò đã là 166.770 con (chiếm tỷ lệ 39,5%), trâu là 80.255 con (chiếm tỷ lệ 40%). Đàn bò ở Bắc Trung Kỳ nhiều hơn cả đàn bò của các tỉnh Bắc Kỳ cộng lại (143. 525 con) hay cả Nam Kỳ cộng lại (139.952 con)<sup>23</sup>... Điều đó cho thấy, Bắc Trung Kỳ là một trung tâm chăn nuôi bò lớn nhất cả nước.

### **3. Xã hội nông thôn Bắc Trung Kỳ dưới tác động của những chuyển biến kinh tế nông nghiệp**

Sự chuyển biến của kinh tế nông nghiệp đã tác động mạnh mẽ đến xã hội nông thôn, điều đó thể hiện trên mấy vấn đề sau:

*Nghề thủ công truyền thống có sự biến đổi:* Sang thời thuộc địa, một số nghề thủ công bị sa sút như nghề trồng bông dệt vải, trồng dâu nuôi tằm bởi xu hướng nhập ngoại các sản phẩm tơ, lụa. Một số nghề được duy trì như nghề mộc, đan lát, rèn, rèn đúc, làm gốm, gạch ngói, chế biến hải sản, làm mật mía, ép dầu nhưng không tách khỏi sản xuất nông nghiệp.

*Dân cư biến động:* Dân số tăng lên nhanh chóng, trong khoảng 40 năm đầu thế kỷ XX, dân số Bắc Trung Kỳ tăng lên gấp đôi. Điều đó làm cho diện tích canh tác tính theo đầu người ngày càng giảm. Lao động dôi dư ở đồng bằng rất lớn. Xuất hiện các luồng di dân: từ đồng bằng lên trung du, từ tỉnh này sang tỉnh khác, di cư vào Nam Trung Kỳ và Nam Kỳ, một bộ phận nhân công từ Bắc Kỳ di cư vào.

*Địa bàn cư trú mở mang:* Các hoạt động khai thác nông nghiệp góp phần khai khẩn đất đai, mở rộng địa bàn cư trú. Đất ngập mặn ven biển ở Nga Sơn, Hoàng Hoá (Thanh Hoá), Quỳnh Lưu, Diễn Châu (Nghệ An) được chinh phục, nhiều làng mạc mới xuất hiện. Đất hoang hoá ở trung du được khai thác triệt để, nhiều khu vực dân cư đông đúc xuất hiện ở Phủ Quỳ (Nghệ An), Thọ Xuân, Nông Cống (Thanh Hoá).

*Giai cấp bị phân hoá:* Giai cấp nông dân bị phân hoá do sự phân công lao động và sự tác động của các hình thức địa tô. Ở Nghệ An, thành phần bần, cố nông là chủ yếu (83%) đến Hà Tĩnh (74,75), trong khi đó Thanh Hoá có tỷ lệ trung nông khá hơn (21,7%), bần cố nông thấp hơn 2 tỉnh kia (73%). Giai cấp địa chủ cũng phân hoá thành

2 bộ phận. Địa chủ, phú nông chiếm tỷ lệ 4,42% dân đinh ở Thanh Hoá, 3,32% (Nghệ An), 5,6% (Hà Tĩnh) nhưng chiếm hữu gần 50% diện tích ruộng đất<sup>24</sup>. Cơ cấu giai cấp vận động theo hướng bản cùng hoá của bản, cố nông; sự ổn định tương đối của trung nông, phú nông; mở rộng địa vị kinh tế của địa chủ. Mâu thuẫn xã hội sâu sắc, riêng ở Nghệ - Tĩnh, xuất hiện mâu thuẫn giữa 2 phe “hộ” và “hào”.

*Nông dân Bắc Trung Kỳ ngày càng bị bản cùng hoá.* Cuộc sống của nông dân phụ thuộc vào ruộng vườn nhưng diện tích canh tác ngày càng giảm, đến năm 1945 chỉ còn mức 0,18 ha (Thanh Hoá), 0,17 ha (Hà Tĩnh), 0,12 ha (Nghệ An)<sup>25</sup>; sản lượng lúa tính theo đầu người cũng giảm theo, trung bình chỉ còn 1,2 tạ/ 1 người/ 1 năm. Nông dân bị bản cùng hoá nhanh hơn bởi vì sự chuyển biến của nông nghiệp không theo kịp đà tăng dân số, phân chia lợi nhuận bất bình đẳng, hình thức bóc lột ngày càng thậm tệ và tinh vi. Diện tích gieo trồng tính theo đầu người đã giảm 5 lần tính từ thời vua Tự Đức đến năm 1945 (ở mức 1 mẫu/người xuống mức 2 sào/người). Sản lượng lúa theo đầu người giảm một nửa tính từ những năm đầu thế kỷ XX đến năm 1945 (ở mức 3,2 tạ/ người/năm xuống 1,7 tạ/người/ năm ở Thanh Hoá; 1,6 tạ/người/ năm xuống 0,8 tạ/người/ năm ở Nghệ An). Sự kết hợp giữa phương thức sản xuất phong kiến và TBCN càng làm cho hình thức bóc lột tinh vi hơn. Ở nông thôn Bắc Trung Kỳ, xuất hiện nhiều cách bóc lột thậm tệ: bóc lột tô, bóc lột tức, bóc lột nhân công, nhiều loại hình bóc lột tinh vi: công non, lương non, đong gạo chịu, vay cầm, bán cầm...

Ngoài 2 mâu thuẫn chủ yếu là nông dân với địa chủ, nông dân với đế quốc, thực dân, nông thôn Bắc Trung Kỳ còn xuất hiện một mâu thuẫn khác cũng rất gay gắt: nông dân với phú nông. Điều đó được thể hiện ở phong trào đấu tranh giữa phe “hộ” và phe “hào” rất riêng biệt ở nông thôn Nghệ - Tĩnh. Đời sống của nông dân càng thêm khó khăn bởi nhiều mối đe dọa: nạn sưu cao, thuế nặng; phụ thu, lạm bổ; giá bạc và nông sản thất thường; nạn cho vay nặng lãi; thiên tai, ôn dịch... Mức độ bản cùng hoá của nông dân Nghệ - Tĩnh rất nhanh, họ luôn phải đối diện với nạn đói kinh niên.

### **Kết luận**

Bắc Trung Kỳ là vùng đất đa dạng về sinh thái tự nhiên - xã hội, có thế mạnh để phát triển nghề trồng lúa, cây công nghiệp và chăn nuôi đại gia súc. Điều kiện đó đã thu hút được sự quan tâm của chính quyền thuộc địa và các nhà canh nông. Quá trình khai thác thuộc địa của thực dân Pháp làm cho nông nghiệp Bắc Trung Kỳ chuyển dần từ hình thái phong kiến sang hình thái thuộc địa có nhân tố TBCN.

*Quan hệ ruộng đất và phương thức canh tác có nhiều chuyển biến.* Xu hướng tập trung ruộng đất mở đường cho việc kinh doanh lớn trong nông nghiệp, làm thay đổi hình thức sở hữu nhỏ, kinh doanh phân tán của nông nghiệp Bắc Trung Kỳ, nhưng một bộ phận nông dân bị tước đoạt tư liệu sản xuất. Phương thức sản xuất phong kiến phát canh thu tô vẫn được duy trì nhưng chuyển biến dưới nhiều hình thức khác nhau: cấy rẽ, thuê ruộng, thuê nhân công. Các hình thức địa tô cũng chuyển biến theo: từ tô hiện vật, tô lao dịch đến tô tiền. Phương thức sản xuất TBCN bắt đầu được du nhập, quan hệ chủ - thợ xác lập. Sự kết hợp giữa hai phương thức phong kiến và TBCN đã



tận dụng tối đa nguồn nhân công, nhưng cũng vì thế mà người làm thuê bị bóc lột thậm tệ hơn.

*Bộ phận kinh tế đồn điền có nhiều chuyển biến mạnh mẽ nhất* trong nông nghiệp Bắc Trung Kỳ. Trước năm 1884, đồn điền đã xuất hiện, nhưng chỉ đóng vai trò là “đồn sơn phòng”, mang ý nghĩa bảo vệ an ninh chính trị nhiều hơn là kinh tế. Sang thời thuộc địa, đồn điền trở thành một hình thức canh nông của giới điền chủ. Quy mô đồn điền không ngừng được mở rộng. Từ những cố gắng đơn lẻ của các cá nhân cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, kinh tế đồn điền dần được tổ chức và phát triển mạnh mẽ. Sau Thế chiến I, hệ thống đồn điền hình thành và mở rộng đến các vùng đồng bằng, xuất hiện đồn điền rộng hàng nghìn hecta như đồn điền của Gauthier ở Yên Mỹ (Thanh Hoá), Walther, Lopic và Công ty ở Phủ Quý (Nghệ An)... Đồn điền Yên Mỹ được đánh giá là đẹp nhất Đông Dương.

*Nông nghiệp Bắc Trung Kỳ bắt đầu chuyển dịch theo hướng sản xuất hàng hoá.* Trước năm 1884, nông nghiệp khu vực đang ở trạng thái tự cung tự cấp. Sang thời thuộc địa, Bắc Trung Kỳ thành nơi xuất khẩu hàng nông sản tương đối lớn của cả nước. Nông sản gồm lương thực (lúa gạo, ngô), các loại hoa màu (đậu, vừng, lạc), sản phẩm cây công nghiệp (cà phê, bông vải, chè, mật mía), hoa quả (cam, quýt, bưởi, dứa), gia súc (trâu, bò). Trong đó, cà phê, bông vải, trâu bò là những mặt hàng xuất khẩu chủ lực, vào loại lớn nhất của cả nước

*Những nhân tố thúc đẩy sự chuyển biến của kinh tế nông nghiệp Bắc Trung Kỳ:* Nguồn vốn đầu tư, bao gồm vốn của Nhà nước và tư nhân thúc đẩy nông nghiệp khu vực phát triển. Cơ sở hạ tầng như giao thông vận tải, thương nghiệp, tiền tệ, các công trình thuỷ nông, các trạm giống... được xây dựng từ nguồn ngân sách chung Đông Dương và ngân sách hàng xứ đã thúc đẩy sự chuyển biến của kinh tế nông nghiệp khu vực. Ngoài cố gắng "mò mẫm" của những cá nhân thì vai trò của chính quyền cũng rất quan trọng. Sau Thế chiến I, các hoạt động canh nông đã có sự tổ chức, định hướng của chính quyền thuộc địa.

*Tác động của chuyển biến kinh tế nông nghiệp tới xã hội nông thôn Bắc Trung Kỳ,* giai cấp bị phân hoá, nông dân bị bần cùng. Nông thôn Bắc Trung Kỳ xuất hiện công nhân áo nâu, thợ cày, thợ cấy, thợ gặt, thợ hái cà phê, người làm trung gian, thầu khoán, bóc vác, chở thuê...Thợ thủ công bị phân hoá, một bộ phận bị phá sản do sản phẩm không cạnh tranh được với hàng ngoại nhập. Sự xâm nhập của kinh tế hàng hoá, sự chuyển biến của các hình thức địa tô, mức độ tập trung ruộng đất ngày càng lớn, mức độ bóc lột của thực dân phong kiến nặng nề... là những nguyên nhân dẫn đến sự phân hoá xã hội. Giai cấp nông dân bị phân hoá và bị bần cùng hoá nặng nề, 37% dân đinh là cố nông, 45,5% là bần nông.

Bên cạnh những hạn chế của chính sách thực dân, sự chuyển biến của kinh tế nông nghiệp khu vực cũng có những mặt tích cực nhất định. Chính sách khai thác tiềm năng đất đai, sự đầu tư cho hệ thống thuỷ nông, việc lựa chọn cây trồng, vật nuôi phù hợp, tìm đầu ra cho nông sản ... ở Bắc Trung Kỳ thời thuộc Pháp có thể là những gợi

ý tham khảo, góp phần vào việc hoạch định chính sách để phát triển hơn nữa nông nghiệp, nông thôn ở Thanh - Nghệ - Tĩnh hiện nay.

---

**CHÚ THÍCH**

<sup>1</sup> Trần Văn Giàu, *Giai cấp công nhân Việt Nam*, NXB Sự Thật, Hà Nội 1961, tr. 77

<sup>2</sup> Nguyễn Văn Khánh, *Cơ cấu kinh tế xã hội Việt Nam thời thuộc địa (1858-1945)*, NXB ĐH QG HN, Hà Nội 1999, tr. 45.

<sup>3</sup> Brévié J, *Diễn văn của Toàn quyền Đông Dương nhân dịp khánh thành dẫn thủy nhập điền ở miền Bắc Nghệ An*, năm 1937 Tư liệu địa chí Nghệ An, tr.280.

<sup>4</sup> Robequain Ch., *Le Thanh Hoa* (bản dịch), Thư viện Thanh Hoá, tr.249

<sup>5</sup> Aumiphin J.P., *Sự hiện diện tài chính và kinh tế của Pháp ở Đông Dương (1858-1939)*, Hội sử học Việt Nam, Hà Nội 1994, tr.109

<sup>6</sup> Peytavin, *Dẫn thủy nhập điền ở Thanh Hoá, Tập san Kinh tế Đông Dương* (số117, năm 1916), Tư liệu địa chí Thanh Hoá, tr.2.

<sup>7</sup> Tạ Thị Thuý, *Đồn điền người Pháp ở Bắc Kỳ (1884-1914)*, NXB Thế giới, Hà Nội 1996, tr.12.

<sup>8</sup> Tạ Thị Thuý, *Đồn điền người Pháp ở Bắc Kỳ (1884-1914)*, sđd, tr.13.

<sup>9</sup> Robequain Ch.(1932), *Le Thanh Hoa* (bản dịch), Thư viện Thanh Hoá, tr. 300 - 3007.

<sup>10</sup> Robequain Ch.(1932), *Le Thanh Hoa* (bản dịch), Tlđđ, tr. 300 - 3007.

<sup>11</sup> Robequain Ch.(1932), *Le Thanh Hoa* (bản dịch), Tlđđ, tr. 300 - 3007.

<sup>12</sup> AFC (Phòng Nha Nông lâm thương mại), N0560, *Concessions et exploitations agricoles des provinces de l'Annam*, Tài liệu lưu trữ, Trung tâm lưu trữ Quốc gia I, Hà Nội .

<sup>13</sup> AFC (Phòng Nha Nông lâm thương mại), N0560, *Concessions et exploitations agricoles des provinces de l'Annam*, Tlđđ.

<sup>14</sup> *Niên giám kinh tế Đông Dương* (Phần ghi về Nghệ Tĩnh) từ năm 1913 đến 1951, TT lưu trữ Quốc gia III, Tư liệu địa chí Nghệ An, tr.7.

<sup>15</sup> Hội đồng tư vấn hỗn hợp thương mại và canh nông Trung Kỳ, *Trung Kỳ năm 1906*, Tư liệu địa chí Nghệ An, tr.16.

<sup>16</sup> Huyện uỷ-UBND huyện Nông Công, *Địa chí Nông Công*, NXB KHXH, Hà Nội 1998, tr.128.

<sup>17</sup> Peytavin (1916), *Dẫn thủy nhập điền ở Thanh Hoá, Tập san Kinh tế Đông Dương* (số117, năm 1916), Tư liệu địa chí Thanh Hoá, tr. 3 - 7.

<sup>18</sup> Peytavin (1916), *Dẫn thủy nhập điền ở Thanh Hoá, Tập san Kinh tế Đông Dương* (số117, năm 1916), Tlđđ, tr. 3 - 7.

<sup>19</sup> Y. Henry, *Kinh tế nông nghiệp Đông Dương*, Hà Nội 1932, Bản dịch của Hoàng Đình Bình, Tư liệu khoa Sử, ĐHKH XH&NV, ĐHQG HN, tr. 57 - 125

<sup>20</sup> H.Cucherousset, *Cuộc khủng hoảng và các đồn điền cà phê ở Thanh Hoá, Tạp chí Kinh tế Đông Dương*, Tư liệu địa chí, Thư viện Thanh Hoá, tr. 1 - 5.

<sup>21</sup> H.Cucherousset, *Cuộc khủng hoảng và các đồn điền cà phê ở Thanh Hoá, Tạp chí Kinh tế Đông Dương*, Tlđđ, tr. 1-5.

<sup>22</sup> Y. Henry, *Kinh tế nông nghiệp Đông Dương*, sđd, tr.223 - 224

<sup>23</sup> Y. Henry, *Kinh tế nông nghiệp Đông Dương*, sđd, tr.223 - 224

<sup>24</sup> Tổng hợp số liệu thống kê từ Tài liệu cải cách ruộng đất ở Thanh Hoá, Nghệ An, Hà Tĩnh. Tài liệu lưu trữ ở UBND các tỉnh.

<sup>25</sup> Tổng hợp số liệu thống kê từ Tài liệu cải cách ruộng đất ở Thanh Hoá, Nghệ An, Hà Tĩnh. Tài liệu lưu trữ ở UBND các tỉnh.